

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Thủ Đức, ngày 15 tháng 3 năm 2023

A. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022

Tên tổ chức niêm yết:	CÔNG TY CP LOGISTICS VICEM
Tên tiếng Anh:	LOGISTICS VICEM TRANSPORT JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt:	LOGISTICS VICEM
Mã chứng khoán:	HTV
Địa chỉ:	405 Song Hành Xa Lộ Hà Nội, P. Trường Thọ, TP. Thủ Đức, TP.HCM.
Điện thoại:	028. 3740.4061 – Fax: 028. 3740.4062
Email:	info@vantaihatien.com.vn
Website:	www.vantaihatien.com.vn
Vốn điều lệ:	131.040.000.000 VND
Ngành nghề kinh doanh:	<ul style="list-style-type: none">- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương, vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa.- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho đường thủy; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.- Bốc xếp hàng hóa.- Cung ứng và quản lý nguồn lao động.
Giấy CN ĐKKD:	<ul style="list-style-type: none">- Số 4103000047 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 04 năm 2000.- Số 0301975289 đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 06 tháng 12 năm 2021.

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

1. Những sự kiện quan trọng

1.1 Việc thành lập

Công ty CP Logistics Vicem tiền thân là Xí nghiệp Vận tải trực thuộc Công ty CP Xi măng Hà Tiên 1.

1.2 Chuyển đổi sở hữu

Theo quyết định số 24/2000/QĐ –TTg ngày 21/01/2000 của Thủ Tướng Chính phủ, Xí nghiệp Vận tải chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần và được đổi tên thành Công

ty CP Vận tải Hà Tiên (nay là Công ty Cổ phần Logistics Vicem) trực thuộc Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam.

- Ngày 07/04/2000, Đại hội cổ đông thành lập của Công ty Cổ phần Logistics Vicem được tiến hành, đã thông qua “Điều lệ tổ chức và hoạt động” của Công ty, bầu ra Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

- Ngày 24/04/2000, Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP. Hồ Chí Minh đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000047.

- Cấp thay đổi lần thứ nhất vào ngày 01 tháng 06 năm 2007 cho Công ty với chức năng hoạt động chính của Công ty: kinh doanh vận tải đường thủy, vận tải đường bộ trong và ngoài nước, kinh doanh tổng hợp vật tư thiết bị, phương tiện vận tải, khai thác bến bãi và kinh doanh các ngành nghề khác theo phạm vi cho phép của pháp luật.

- Cấp thay đổi lần hai vào ngày 15 tháng 04 năm 2009, tăng vốn điều lệ từ 48 tỷ đồng lên 100,8 tỷ đồng.

- Cấp thay đổi lần năm vào ngày 28 tháng 08 năm 2013, với chức năng hoạt động chính của Công ty: Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; bốc xếp hàng hóa; hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; cung ứng và quản lý nguồn lao động.

- Cấp thay đổi lần sáu vào ngày 01/12/2015, tăng vốn điều lệ từ 100.800.000.000 đồng lên 131.040.000.000 đồng.

- Cấp thay đổi lần 10 vào ngày 01/7/2020, đổi tên Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên thành Công ty Cổ phần Logistics Vicem.

1.3 Niêm yết

Theo Quyết định số 41/UBCK–GPNY ngày 07/12/2005, Ủy Ban chứng Khoán Nhà Nước đã quyết định chính thức cấp phép niêm yết cho Công ty Cổ phần Logistics Vicem. Tiếp theo Thông báo số 791/TTGDHCM–NY ngày 27/12/2005 của Trung Tâm Giao dịch Chứng Khoán TP. HCM, ngày 05/01/2006 Công ty chính thức giao dịch 4.800.000 cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán TPHCM, với mã chứng khoán HTV.

- Theo Quyết định số 194/UBCK–GCN ngày 15/10/2007 của UBCKNN chấp thuận cho Công ty được chào bán thêm 5.280.000 cổ phiếu ra công chúng.

- Ngày 11/01/2008 Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. HCM đã ra thông báo số 34/TB-SGDHCM v/v niêm yết và giao dịch bổ sung 5.280.000 cổ phiếu phát hành thêm.

- Ngày 14/9/2015 UBCKNN có thông báo chấp thuận cho Công ty được phát hành 3.024.000 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu.

- Ngày 05/11/2015 Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM có thông báo số 1086/TB- SGDHCM v/v niêm yết và giao dịch bổ sung 3.024.000 cổ phần phát hành.



2. Quá trình phát triển

Công ty Cổ phần Logistics Vicem ngày một khẳng định là một trong những công ty vận tải thủy lớn nhất khu vực phía Nam. Mặt hàng vận chuyển chủ yếu của Công ty là: clinker, thạch cao, đá phụ gia, than đá... cho các khách hàng lớn như Công ty CP Xi măng Hà Tiên 1, Công ty TNHH Siam City Cement (Việt Nam), ...Ngoài ra, Công ty còn tham gia vận chuyển cho một số khách hàng khác trong lĩnh vực vật liệu xây dựng.

3. Định hướng phát triển

Là một trong những nhà giao nhận vận tải hàng đầu, chúng tôi cam kết cung cấp dịch vụ giao nhận vận tải hàng hóa bằng đường thủy đa dạng với chất lượng tốt nhất, với phương châm “An toàn, chất lượng, dịch vụ hoàn hảo”. Chúng tôi luôn tâm niệm sự thành công của Quý khách hàng chính là động lực và cơ hội để chúng tôi phát triển. Do vậy chúng tôi cam kết không ngừng đầu tư phát triển, mở rộng kinh doanh nhằm đem lại lợi ích cao nhất cho cổ đông, người lao động và đóng góp tích cực cho cộng đồng. Chiến lược phát triển Công ty tới năm 2025 và định hướng đến năm 2030 sau:

- Đảm bảo chất lượng dịch vụ để giữ vững thị trường, thị phần trên những tuyến vận tải thủy, vận tải đường bộ truyền thống;
- Đa dạng hóa nguồn hàng; phát triển thêm khách hàng và mặt hàng mới;
- Tiếp tục phát triển, mở rộng Kinh doanh vận tải biển, nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải biển phục vụ khách hàng.
 - Xúc tiến nghiên cứu thị trường, tìm nguồn hàng mới trên tuyến Bắc – Nam;
 - Xây dựng chính sách giá cước, chính sách hậu mãi hợp lý để giữ khách hàng cũ, thu hút khách hàng mới;
 - Chuẩn bị nguồn hàng phát triển đội tàu vận tải sông biển sau năm 2025.
 - Tiếp tục phát triển hơn nữa kinh doanh dịch vụ xếp dỡ đá Puzoland, clinker, thạch cao, ...Thiết lập mối quan hệ chặt chẽ với khách hàng, có chính sách hậu mãi hợp lý để giữ chân khách hàng và mở rộng thị trường;
 - Làm việc và hợp tác chặt chẽ với các cảng, bến xếp dỡ để đảm bảo lịch sà lan, năng suất, chất lượng xếp dỡ hàng hóa cho khách hàng tốt nhất; Chuẩn bị nguồn hàng cho việc xây dựng - khai thác bến xếp dỡ của Công ty giai đoạn sau năm 2025.
 - Tiếp tục phát triển kinh doanh vật liệu xây dựng, hàng hóa khác; Thu thập thông tin, điều tra thị trường mở rộng mặt hàng và phạm vi kinh doanh, từng bước chuẩn bị cho việc tổ chức tiêu thụ vật liệu xây dựng, xi măng sau năm 2025.
 - Phát triển kinh doanh dịch vụ logistics (Đại lý tàu biển, Đại lý hàng hóa; Giao nhận vận chuyển, Thông quan hàng hóa);
 - Chăm sóc khách hàng; nghiên cứu phát triển thị trường, thị phần kinh doanh; Phát triển kinh doanh theo nguyên tắc: khách hàng, đối tác là người mang công việc và doanh thu cho Công ty; chăm sóc sức khỏe kinh doanh cho khách hàng là củng cố sức khỏe kinh doanh cho Công ty; Tính toán lợi ích trên cả chuỗi dịch vụ, cả hệ thống; gia tăng lợi ích so với phương án kinh doanh trước đây bằng giải pháp tổ chức quản lý đồng bộ, chặt chẽ, điều hành kinh doanh, tiết giảm chi

5289
TY
ÁN
VICE
HỒ CH

phí. Từ đó đảm bảo thị trường, thị phần lớn mạnh ổn định; quan hệ với khách hàng, đối tác, người lao động trong Công ty hòa hợp, nhân văn.

➤ Phát triển nguồn nhân lực cho các ngành nghề kinh doanh mới; Ứng dụng công nghệ số trong quản lý và điều hành;

Như vậy với chiến lược phát triển nêu trên của Công ty Logistics Vicem thực sự thúc đẩy sự tăng trưởng về quy mô kinh doanh về hiệu quả kinh doanh với tốc độ cao; tăng năng suất lao động, đảm bảo sự phát triển ổn định, bền vững cho Công ty trong tương lai.

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Những nét nổi bật năm 2022

Kinh tế toàn cầu đã đánh mất cơ hội phục hồi khi khủng hoảng nổ ra tại Ukraine từ cuối tháng 2 đến nay và dịch Covid-19 bùng phát trở lại. Bên cạnh đó, lạm phát tăng mạnh tại hầu hết các nước, buộc ngân hàng Trung Ương các nước liên tục tăng lãi suất nhanh và mạnh; mặt bằng lãi suất, tỷ giá tăng nhanh; giảm mạnh sức cầu thương mại, đầu tư, tiêu dùng, tăng rủi ro tài chính, rủi ro nợ tại nhiều quốc gia, nguy cơ suy thoái hiện hữu, làm gia tăng rủi ro đến thị trường tài chính, tiền tệ, an ninh năng lượng, an ninh lương thực toàn cầu.

Thêm vào đó, sự suy yếu nhanh chóng của tổng cầu thế giới đã ảnh hưởng trực tiếp lên các đơn hàng sản xuất trong nước. Giá cả một số hàng hóa đầu vào tăng, nhất là giá xăng dầu, than,...Hệ lụy là ở một số lĩnh vực người lao động đã bị mất việc làm.

Trong bối cảnh đó, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện các giải pháp sau:

- Triển khai thực hiện tốt nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022;
- Trên cơ sở phương hướng nhiệm vụ năm 2022 đã được Đại hội cổ đông thường niên thông qua, Hội đồng Quản trị thường xuyên kiểm tra đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch và có những chỉ đạo cụ thể nhằm hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2022;
- Trên tinh thần luôn phấn đấu hoàn thành đạt mức cao nhất cho kế hoạch đặt ra, Công ty sẽ rà soát lại toàn bộ chi phí để tiết giảm tối đa, tăng hiệu quả hoạt động SXKD ; Chỉ đạo các phòng ban chức năng thực hiện nghiêm túc và triệt để quan điểm HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, với tiêu chí: tiết kiệm chi phí, đảm bảo tốt vòng quay phương tiện tối ưu nhất, đây là yếu tố chính giảm giá thành, tăng năng lực cạnh tranh của Logistics Vicem, tăng doanh thu và đảm bảo tính mạng và đời sống CB-CNV;
- Tiếp tục mở rộng thị phần, khai thác thị trường hàng hóa mới, các loại mặt hàng mới dựa trên đội tàu của Công ty và các đơn vị vệ tinh để nâng lực vận chuyển cao, tổ chức tốt hoạt động vận chuyển, đáp ứng được đa dạng mặt hàng, tuyến đường vận chuyển, ...;
- Tiếp tục giữ vững thị phần mặt hàng sắt thép nhập, xuất khẩu đang khai thác hiệu quả. Giữ vững uy tín và độ hiện diện của phương tiện Công ty trên các tuyến vận chuyển;
- Tăng cường quan hệ chặt chẽ với khách hàng truyền thống đảm bảo giữ uy tín, chất lượng dịch vụ và tiến độ. Luôn khẳng định thương hiệu Logistics Vicem, xây dựng niềm tin đối với khách hàng mới, khách hàng tiềm năng;

- Bám sát, nắm bắt kịp thời các thông tin thị trường, đối thủ cạnh tranh để đưa ra giải pháp tối ưu nhất;
- Nâng cao, khai thác hiệu quả hoạt động dịch vụ của mảng vận tải biển, vận tải bộ, bốc dỡ hàng hóa.

2. Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2022

Thuận lợi:

➤ Thị trường vận chuyển, hàng hóa từng bước khôi phục lại dù rất nhiều biến động. Hoạt động sản xuất dần tăng trưởng trở lại từ Quý II kéo theo nhu cầu vận chuyển trở lại cho các loại hàng nguyên vật liệu ngành xây dựng như clinker, than,... Ngành vận tải nói chung và vận tải thủy tương đối lạc quan với lượng hàng hóa tương đối nhiều và đa dạng;

➤ Với năng lực và kinh nghiệm vận chuyển của HTV, Tổng Công ty Xi măng Việt Nam đã tin tưởng giao nhiệm vụ cho HTV phụ trách phần lớn khối lượng vận chuyển nguyên, vật liệu cho các Nhà máy xi măng, Trạm nghiền của Công ty CP Vicem Hà Tiên và của Công ty CP Năng Lượng và Môi Trường Vicem. Vì vậy HTV luôn có một nguồn hàng vận chuyển ổn định và chiếm trên 50% tổng khối lượng vận chuyển của toàn Công ty HTV;

➤ Công ty có thương hiệu uy tín, năng lực vận chuyển cao và khả năng huy động nhà thầu phụ tương đối tốt, có mối quan hệ, hợp tác vận chuyển hàng hóa với nhiều khách hàng lớn trong và ngoài VICEM. Do đó trong giai đoạn thị trường gặp rất nhiều khó khăn, nhưng với năng lực vận chuyển tốt và giữ uy tín tốt với khách hàng nên HTV đã được nhiều khách hàng lựa chọn để ký Hợp đồng vận chuyển với khối lượng lớn hàng hóa và nhiều chủng loại hàng hóa khác nhau, thường xuyên đảm nhận giải phóng những nguồn hàng lớn, tăng sức cạnh tranh và nâng cao vị thế trên thị trường;

➤ Các mảng dịch vụ khác như vận tải biển, vận tải bộ - bốc xếp và dịch vụ khác đều có những tăng trưởng mới giúp mang lại thêm doanh thu và tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh trong năm 2022. Đẩy mạnh phát triển thêm được một số dịch vụ kinh doanh mới, mở rộng kinh doanh thêm dịch vụ vận chuyển đường biển, bốc xếp bằng cách kết nối với vận tải thủy nội địa của công ty để tham gia nhiều mắt xích và có thể cung cấp một chuỗi cung ứng hoàn chỉnh cho các khách hàng, đa dạng hóa chủng loại hàng hóa vận chuyển từ vật liệu xây dựng đến vận chuyển than, lúa mỳ, phân bón..., tạo điều kiện đóng góp thêm nguồn doanh thu ổn định, và khẳng định hướng đi đúng đắn để phát triển dịch vụ Logistics của Công ty.

Khó khăn:

➤ Do hậu quả của đại dịch Covid-19, chiến tranh Nga – Ukraina nổ ra đã làm đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu, hàng hóa khan hiếm, nhu cầu tiêu dùng giảm sút, giá cả nguyên vật liệu, nhiên liệu, nhân công tăng cao. Điều đó dẫn tới nhiều nước đang bước vào thời kỳ cực kỳ khó khăn, suy thoái. Do đó đã có những ảnh hưởng nhất định đến nền kinh tế Việt Nam, trong đó có ngành vận tải hàng hóa;

➤ Giá xăng dầu trong năm 2022 tăng cao và biến động mạnh đã ảnh hưởng nhiều đến hoạt động vận tải của HTV, làm tăng chi phí vận hành của ngành vận tải do giá xăng dầu chiếm tỷ trọng

cao trong giá thành vận tải; giá cước vận chuyển của HTV có biên độ tăng không tương xứng được với biên độ tăng giá của nhiên liệu trên thị trường;

➤ Do tình hình khó khăn chung của kinh tế thế giới, đến hết Quý 2 kinh tế Việt Nam chịu ảnh hưởng khá rõ, trong đó ngành sắt thép xây dựng ảnh hưởng nghiêm trọng, cụ thể: năm 2022 sản lượng hàng tôn sắt thép chỉ đạt 1/4 sản lượng của năm 2021. Sản lượng xi măng tiêu thụ trên thị trường chậm và giảm sút làm giảm nguồn hàng vận chuyển, dẫn đến các phương tiện của HTV đang vận chuyển thường xuyên phải nằm lưu bên dài ngày chờ trả hàng;

➤ Vận chuyển than cho các đơn vị thương mại không đạt so với kế hoạch do giá than trên thị trường luôn biến động, để giảm thiểu rủi ro trong kinh doanh thương mại các đơn vị tạm nhập số lượng vừa phải và quan sát thị trường để cung cấp tạm thời;

➤ Một số chủ hàng lớn đã tự đầu tư phương tiện vận tải thủy nội địa và cả phương tiện vận tải biển để phục vụ cho chính dịch vụ cung cấp, mua bán hàng hóa của mình, việc này đã làm tăng cao sự cạnh tranh về giảm giá cước vận chuyển, làm giảm lượng hàng vận chuyển và tăng sự cạnh tranh về nguồn hàng vận chuyển trên thị trường trong năm 2022;

➤ Công ty tiếp tục gặp khó khăn khi số lượng phương tiện tới kỳ sửa chữa lớn do đội sà lan HTV đã cũ và tuổi tàu lớn: 29 chiếc/tổng số 41 chiếc sà lan có tuổi tàu từ 13-16 năm trong năm tăng, dẫn đến chi phí sửa chữa tăng, đồng thời do đơn giá sắt thép và đơn giá nhân công năm 2022 tăng rất cao nên chi phí sửa chữa phương tiện tăng cao từ đó làm tăng chi phí sửa chữa, giảm thời gian hoạt động của phương tiện do Công ty sở hữu, thời gian phương tiện dừng sửa chữa không hoạt động ảnh hưởng đến hiệu quả khai thác phương tiện giảm tương ứng với thời gian sửa chữa ; Lực lượng thuyền viên có tay nghề cao, có trách nhiệm bảo quản và bảo trì sà lan tốt thì ngày càng ít đi, do đó mức độ hư hỏng và sự cố va chạm của phương tiện ngày càng tăng lên.

Năm 2022, Công ty đạt được kết quả sản xuất kinh doanh như sau:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH NĂM 2022	TH NĂM 2022	TỶ LỆ TH/KH (%)
1	Doanh thu thuần	Triệu đồng	390.424	351.319	90%
2	LN từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	14.240	1.358	10%
3	LN từ hoạt động khác (bao gồm cả LN từ HĐ tài chính)	Triệu đồng	9.582	20.883	218%
4	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	23.823	22.241	93%
5	Thuế TNDN hiện hành	Triệu đồng	5.111	4.533	89%
6	Thuế TNDN hoãn lại	Triệu đồng	-	-	-
7	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	18.711	17.707	95%
8	Chi trả cổ tức	%	≥ 8		

(Về việc chi trả cổ tức năm 2022, Công ty đang chờ xin ý kiến biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 với mức 6%).

3. Định hướng nhiệm vụ năm 2023

Năm 2023 khởi đầu với bước đệm kinh tế xã hội cuối năm 2022 sẽ có nhiều thay đổi hơn trong cách thức vận hành của thế giới. Đối với Việt Nam, năm 2023 là năm sơ kết, đánh giá giữa kỳ các kế hoạch 5 năm về kinh tế - xã hội, cơ cấu lại nền kinh tế, đầu tư công, tài chính công... Các kết quả đạt được của năm 2023 sẽ là cơ sở quan trọng để nước ta tiếp tục phấn đấu thực hiện các mục tiêu 5 năm đã đề ra. Tuy nhiên, qua các đánh giá cho thấy năm 2023 cũng là năm dự kiến có rất nhiều khó khăn, thách thức, cả quốc tế và trong nước. Trong nước, nền kinh tế tiếp tục phục hồi, nhưng tăng trưởng kinh tế khả năng sẽ khó khăn hơn. Xu hướng chung của nhiều tổ chức quốc tế là nâng dự báo tăng trưởng năm 2022 nhưng cũng đồng thời hạ dự báo tăng trưởng năm 2023 của Việt Nam. (WB và IMF đều dự báo GDP nước ta tăng 6,7% năm 2023). Hoạt động sản xuất, kinh doanh tiếp tục khởi sắc; nguồn vốn đầu tư công từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, 3 Chương trình mục tiêu quốc gia được tích cực triển khai. Ổn định kinh tế vĩ mô được giữ vững, môi trường đầu tư kinh doanh tiếp tục được cải thiện, là cơ sở tích cực cho tăng trưởng và phát triển. Trước những thách thức và cơ hội mới, Công ty Cổ phần Logistics Vicem đã có những chuẩn bị nghiêm túc, chu đáo, xác định chi tiết, rõ ràng những nhiệm vụ thiết yếu cho năm 2023 và cam kết phát huy tính năng động trong nắm bắt thời cơ thuận lợi, nỗ lực khắc phục các khó khăn trong thực tiễn để hoàn thành triệt để các nhiệm vụ phát triển được đề ra trong năm 2023, cụ thể:

- Mở rộng kinh doanh, bổ sung, mở rộng ngành nghề kinh doanh đa ngành gồm vận tải thủy nội địa; vận tải bộ; xếp dỡ trung chuyển hàng hóa bến phao đường biển, bến thủy nội địa và dịch vụ trong chuỗi logistics hàng xi măng.... Đảm bảo nâng cao năng lực cạnh tranh cho Công ty, thích ứng tốt hơn với sự suy giảm tăng trưởng kinh tế của Việt Nam và thế giới do dịch Covid 19, nhằm đem lại lợi ích cao nhất cho cổ đông, người lao động và đóng góp tích cực cho cộng đồng. Phấn đấu trở thành một Công ty quản lý vận tải đa lĩnh vực trong ngành Vận tải;

- Tiếp tục là công ty đại chúng, có cơ cấu cổ đông hợp lý, vốn hóa cao, niêm yết trên thị trường chứng khoán, tăng tính thanh khoản của cổ phiếu, có thương hiệu uy tín, hệ thống quản trị tiên tiến, có cổ phiếu giá trị và cổ tức cao. Nâng cao trình độ chuyên nghiệp quản lý tài chính, quản lý kinh doanh và chất lượng phục vụ thông qua xây dựng, phát triển nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp;

- Tiếp tục củng cố và giữ quan hệ bền vững với khách hàng truyền thống, không ngừng tìm kiếm khách hàng mới về vận chuyển hàng hoá khác;

- Ngoài ra, để khai thác triệt để các tuyến đường thủy một cách có hiệu quả, Công ty vẫn đang tiếp tục tái cấu trúc phương tiện, thanh lý những sà lan cũ, không phù hợp và đầu tư đóng mới một số sà lan có tải trọng lớn để tăng năng lực vận chuyển phục vụ những tuyến vận chuyển có cung đường dài;

- Về công tác điều hành quản lý phương tiện, Công ty đã tăng cường công tác điều độ, điều tiết phương tiện tối ưu để hạn chế mức tối thiểu việc thuê ngoài vận chuyển. Chỉ thuê ngoài trong các trường hợp đặc biệt do yêu cầu khẩn cấp về thời gian bốc hàng, giải phóng phương tiện cũng như các móm nước không phù hợp với phương tiện vận hành của Công ty;

- Hoàn thiện công tác quản trị nhân sự - tiền lương; lựa chọn hình thức tuyển dụng thích hợp, đào tạo và đào tạo lại đội ngũ lao động của Công ty, để có thể đảm nhận được những công việc mới cũng như làm tốt hơn công việc hiện tại;

- Áp dụng chính sách khoán tiền lương và chế độ khen thưởng thích hợp đối với người lao động, nhằm nâng cao khả năng sử dụng tối đa công suất phương tiện hiện có của Công ty.

Như vậy, dự báo trong năm 2023 Công ty sẽ khai thác triệt để công suất vận chuyển và nguồn nhân lực của Công ty để hoàn thành kế hoạch đã đề ra.

III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Báo cáo tình hình tài chính

Kết quả tài chính năm 2022 của Công ty được thể hiện qua các chỉ tiêu sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	NĂM 2021	NĂM 2022
1	Vốn điều lệ	Triệu đồng	131.040	131.040
2	Sản lượng	Tấn	5.604.147	6.181.150
3	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Triệu đồng	308.885	373.022
4	Giá vốn hàng bán	Triệu đồng	267.417	323.698
5	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	21.720	22.241
6	Thuế TNDN hiện hành	Triệu đồng	4.169	4.533
7	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	17.551	17.707
8	LN trước thuế/DT thuần	%	7,29	6,33
9	LN trước thuế/Vốn chủ sở hữu	%	6,52	6,66
10	LN trước thuế/Tổng tài sản	%	5,14	5,13
11	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	83,03	87,20
12	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	16,97	12,80
13	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	21,13	22,95
14	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	78,87	77,05
15	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	%	26,79	29,79
16	Tỷ số khả năng thanh toán nhanh	lần	3,9	3,8

Nhìn chung, năm 2022 mặc dù có nhiều khó khăn, thách thức nhưng các chỉ tiêu tài chính chủ yếu đảm bảo tính hiệu quả và an toàn.

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023

Trên cơ sở dự báo tình hình kinh tế vĩ mô trong nước và chiến lược phát triển của Công ty, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể cán bộ nhân viên Công ty thống nhất xây dựng mục tiêu về kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2023, như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	% +/- so với năm 2022
I	Mục tiêu sản lượng				
1	Mục tiêu sản lượng vận chuyển và các dịch vụ khác	Tấn	6.181.150	6.182.329	0%
II	Mục tiêu tài chính				
2	Mục tiêu doanh thu và thu nhập khác	Triệu đồng	373.022	406.576	9%
3	Mục tiêu lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	22.241	22.463	1%

(Ghi chú: Số liệu Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2023 chỉ mang tính chất dự kiến và sẽ được công bố thông tin khi ĐHCĐ phê duyệt)

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc năm tài chính, và sau khi đã được kiểm toán. Công ty đã lập các báo cáo tài chính theo đúng các biểu mẫu quy định của Bộ Tài Chính, và theo đúng các chuẩn mực kế toán hiện hành:

Bảng cân đối kế toán ngày 31.12.2022.

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2022.

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2022.

(Đính kèm các báo cáo tài chính của năm 2022 nêu trên)

V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn RSM Việt Nam.

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần của Công ty: Tổng Công ty Xi Măng Việt Nam nắm giữ 65.623.610.000 đồng, chiếm tỷ lệ 50.08% /vốn điều lệ Công ty.

- Công ty có trên 50% vốn cổ phần do Công ty nắm giữ của Công ty TNHH Đầu tư phát triển Bất động sản Trường Thọ Thủ Đức: HTV góp vốn 65%, tương đương 13.000.000.000 đồng (mười ba tỷ đồng chẵn).

- Chi tiết thêm ở mục 6. Thuyết minh báo cáo tài chính.

VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Công ty được quản lý và điều hành theo cơ cấu tổ chức gồm:

+ Đại hội đồng cổ đông

+ Hội đồng Quản trị & Ban Kiểm soát

+ Ban Tổng Giám đốc

Đại hội cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

o **Đại hội đồng cổ đông** là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người được cổ đông uỷ quyền. ĐHĐCĐ có quyền và nhiệm vụ như sau:

- Thông qua kế hoạch phát triển của Công ty;
- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo của Ban Kiểm soát & HĐQT;
- Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Công ty;
- Quyết định số lượng thành viên HĐQT;
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT, BKS và thông qua việc HĐQT bổ nhiệm Tổng Giám đốc;
- Quyết định tăng giảm vốn điều lệ, thông qua định hướng phát triển của Công ty, quyết định đầu tư hoặc bán tài sản không còn sử dụng;
- Các vấn đề khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty CP Logistics Vicem.

o **Hội đồng Quản trị** gồm các thành viên, trong đó có 1 thành viên là Tổng Giám đốc Công ty, HĐQT là đơn vị quản lý cao nhất Công ty, đứng đầu là Chủ tịch Hội đồng Quản trị. HĐQT hoạch định chiến lược chung, định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, quyết định bộ máy điều hành của Công ty bao gồm: Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các Trưởng phòng. Hiện nay HĐQT có 5 thành viên, trong đó có 4 thành viên không trực tiếp tham gia điều hành Công ty. Hàng quý HĐQT tổ chức họp để rà soát các chỉ tiêu thực hiện trong quý vừa qua và đưa ra phương hướng hành động quý tiếp theo.

Trong năm 2022, các thành viên đã tích cực phối hợp, hỗ trợ công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể là HĐQT đã tổ chức 01 kỳ Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 và 05 cuộc họp HĐQT định kỳ để trực tiếp, kiểm tra đánh giá kết quả hoạt động và đưa ra chỉ đạo kịp thời. Vì đa phần các thành viên trong HĐQT là thành viên không trực tiếp điều hành Công ty, nên các công việc cần trao đổi và xin ý kiến các thành viên trong HĐQT, Chủ tịch HĐQT quyết định lập các Nghị quyết luân chuyển, lần lượt chuyển cho các thành viên trong HĐQT xem và có ý kiến trong bản NQ luân chuyển này. Các nghị quyết và quyết định của HĐQT đều dựa trên sự thống nhất, chấp thuận của các thành viên HĐQT và trên cơ sở vì lợi ích của các cổ đông và vì sự phát triển chung của Công ty.

o **Ban Kiểm soát** gồm 03 thành viên cũng không trực tiếp tham gia điều hành Công ty. Là bộ phận tham gia những ý kiến cụ thể cho Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát:

- Thực hiện giám sát HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc điều hành Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao;

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, trung thực về mức độ cần trọng trong quản lý điều hành hoạt động SXKD, trong công tác tổ chức kế toán thống kê và lập Báo cáo tài chính;

- Thẩm định báo cáo tài chính, tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 6 tháng của Công ty, báo cáo công tác quản lý của HĐQT;

- Trình bày báo cáo hoạt động của Công ty trước Đại hội đồng Cổ đông thường niên;

- Các vấn đề khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty CP Logistics Vicem;

- Nơi đáng tin cậy trong việc quản lý vốn cho các cổ đông.

o **Tổng Giám đốc** là người là người chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về việc tổ chức, quản lý, điều hành mọi hoạt động của Công ty.

- Sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của Công ty và tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao;

- Ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế, dân sự và các hợp đồng khác phục vụ hoạt động SXKD của Công ty;

- Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh quản lý của Công ty mà không thuộc đối tượng do HĐQT bổ nhiệm;

- Tuyển dụng, thuê mướn và bố trí sử dụng người lao động theo quy định của HĐQT, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và nhu cầu SXKD của Công ty. Quyết định mức lương, phụ cấp cho người lao động trong Công ty;

- Là người chịu trách nhiệm công bố thông tin theo quy định của UBCK Nhà nước;

- Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm trước pháp luật.

o **Phó Tổng Giám đốc** là những người phụ giúp Tổng Giám đốc trong quản lý và điều hành các hoạt động Sản xuất kinh doanh của Công ty; Phụ trách đội vận tải thủy, kỹ thuật, công tác phòng cháy chữa cháy, quân sự an ninh, quốc phòng và các mặt công tác khác, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các nhiệm vụ được giao.

o **Kế toán trưởng** là người tham mưu cho Tổng Giám đốc về công tác quản lý tài chính – thống kê - kế toán của đơn vị, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các vấn đề có liên quan đến công tác kế toán tài chính, quyết toán tài chính, thuế và tính thực hiện các chế độ quản lý tài chính của Công ty.

2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty

❖ Tóm tắt lý lịch các thành viên Người điều hành doanh nghiệp

1/. Ô. ĐỖ VĂN HUÂN, Tổng Giám đốc, kể từ ngày 04/01/2019.

Sinh ngày: 08/04/1981

Địa chỉ: 1/2/28 Đường D3, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TPHCM

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư vận tải biển – Thạc sĩ tổ chức quản lý vận tải

2 / Ô. ĐÀM MINH TIẾN, Phó Tổng Giám đốc

Sinh ngày 19/10/1965

Địa chỉ: 12 đường 8, Khu phố 4, P. Linh Chiểu, TP. Thủ Đức, TP. HCM.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị kinh doanh

(Quyết định bổ nhiệm từ ngày 14/01/2022)

3/. Ô. PHẠM BÁ TRUNG, Phó Tổng Giám đốc

Sinh ngày: 10/8/1984

Địa chỉ: 156 Đào Duy Anh, Phường 9, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh.

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển.

(Quyết định bổ nhiệm ngày 20/7/2022).

4/ B. TRẦN THỊ LÝ, Kế toán trưởng

Sinh ngày: 21/03/1976

Địa chỉ: F18 cư xá Nguyễn Đình Chiểu, P4, Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.

(Quyết định miễn nhiệm ngày 23/6/2022).

5/ B. PHẠM THỊ NGỌC, Phụ trách Phòng Kế toán Thống kê Tài chính

Sinh ngày: 13/02/1983

Địa chỉ: Chung cư 17,3 ha, P. An Khánh, TP Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.

(Quyết định bổ nhiệm ngày 23/6/2022).

❖ Quyền lợi của Ban Tổng Giám đốc năm 2022 và người điều hành khác



TT	Họ Và Tên	Chức Vụ	Quyền lợi Ban TGD (đ)	Ghi chú
1	Đỗ Văn Huân	TGD	705.900.000	
2	Đàm Minh Tiến	PTGD	374.040.000	Bổ nhiệm từ 14/01/2022
3	Phạm Bá Trung	PTGD	179.821.000	Bổ nhiệm từ 20/7/2022
4	Trần Thị Lý	KTT	157.140.818	Miễn nhiệm từ 23/6/2022
5	Phạm Thị Ngọc	Phụ trách KT	160.590.000	Bổ nhiệm từ 23/6/2022
CỘNG			1.577.491.818	

❖ **Số lượng lao động và các chính sách đối với người lao động**

Lao động bình quân trong năm 2022 là 260 người, tăng 16 người so với năm 2021.

Trong đó, chia ra:

- Gián tiếp: 47 người, chiếm tỷ lệ 18%
- Trực tiếp: 198 người, chiếm tỷ lệ 82 %

Trong đó, chia ra:

- Trên đại học: 05 người, chiếm tỷ lệ 2 %
- Đại học và Cao đẳng: 29 người, chiếm tỷ lệ 11 %
- Trung học chuyên nghiệp: 07 người, chiếm tỷ lệ 3%
- Công nhân kỹ thuật & lao động phổ thông: 219 người, chiếm tỷ lệ 84%

- Các chính sách đối với người lao động:

➤ **Chính sách tiền lương**

Áp dụng lương theo chức danh và tính chất từng công việc, Công ty thực hiện chi trả lương cho CB – CNV đúng và đầy đủ theo Quy chế lương trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành.

➤ **Chính sách tiền thưởng**

Công ty thực hiện thưởng cho CB – CNV trên cơ sở theo hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

➤ **Các chế độ chính sách khác đối với người lao động**

Công ty thực hiện chế độ phúc lợi cho người lao động như: trợ cấp cho CB- CNV có hoàn cảnh khó khăn, thăm hỏi động viên gia đình người lao động hoặc thân nhân người lao động bị ốm đau, bệnh tật, tử tuất...

Ngoài ra, Công ty cũng thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định của luật Lao động.

➤ **Chính sách đào tạo:** tùy tình hình thực tế trong năm, Công ty sẽ tiến hành cho CBCNV tham gia các khóa đào tạo nâng cao nghiệp vụ cho các bộ phận/đáp ứng nhu cầu công việc.

501975
CÔNG T
CỔ PHẦN
LOGISTICS VI
TPHỒ

3. Chính sách liên quan đến môi trường, xã hội

Bên cạnh việc đóng góp tích cực về mặt kinh tế, tạo ra giá trị cho xã hội, công việc cho người lao động, Công ty luôn quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường, nguồn tài nguyên thiên nhiên, khí hậu,... xung quanh Công ty và trong khu vực. Bởi lẽ, môi trường là nơi để mọi cá thể sinh sống, làm việc, việc tác động xấu đến môi trường sẽ gây ra nhiều rủi ro làm ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Do vậy, để tồn tại và phát triển bền vững, các doanh nghiệp phải quan tâm tới môi trường, hệ sinh thái và năng lượng của từng hoạt động sản xuất kinh doanh.

Ý thức được những vấn đề như trên, HTV có một số biện pháp bảo vệ môi trường, hướng đến một doanh nghiệp chất lượng, vừa là một phương pháp giữ vững hình ảnh của HTV trong mắt khách hàng nội địa và hướng tới những đối tác nước ngoài:

- Thanh lý những sà lan cũ, trọng tải thấp, thải nhiều khí thải độc hại ra môi trường sống xung quanh.
- Đóng mới sà lan, sử dụng động cơ mới 100% với các chỉ tiêu đáp ứng tốt yêu cầu về khí thải theo các tiêu chuẩn của cục đăng kiểm.
- Tăng cường kiểm tra, giám sát đối với các sà lan Công ty, kịp thời phát hiện, sửa chữa những sà lan lỗi kỹ thuật, máy móc đảm bảo sà lan luôn trong tình trạng hoạt động tốt, không làm ảnh hưởng tới môi trường sống xung quanh.

VIII. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG & QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm soát

❖ *Thành phần Hội đồng Quản trị gồm các thành viên:*

1	Ông Hà Quang Hiện	Chủ tịch HĐQT, kể từ ngày 12/5/2022
2	Ông Đỗ Văn Huân	Phụ trách HĐQT từ ngày 01/01/2022 đến 12/5/2022, từ 13/5/2022 là Thành viên HĐQT kiêm TGD (TGD từ ngày 04/01/2019)
3	Ông Bùi Nguyên Quỳnh	Thành viên HĐQT, kể từ ngày 25/04/2019
4	Ông Hồ Sĩ An	Thành viên HĐQT, kể từ ngày 25/04/2019
5	Ông Nguyễn Văn Hưng	Thành viên HĐQT, kể từ ngày 25/04/2019

❖ *Ban Kiểm soát gồm:*

1	Ông Hà Minh Ngọc	Trưởng ban, Thành viên kể từ ngày 25/06/2021
2	Bà Nguyễn Thị Huệ	Thành viên
3	Bà Nguyễn Thị Thu	Thành viên đến ngày 12/5/2022
4	Bà Phạm Thị Thái Hà	Thành viên kể từ ngày 12/5/2022

❖ *Tóm tắt lý lịch Tổng Giám đốc*

Ông Đỗ Văn Huân – Tổng Giám đốc từ ngày 04/01/2019

Giới tính: Nam



Ngày, tháng năm sinh: 08/04/1981

Nơi sinh: Thái Bình.

Số CMND: 151291700 cấp ngày 04/03/2014 tại Thái Bình.

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã An Ninh, huyện Tiền Hải - Tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ thường trú: 1/2/28 đường D3- P. 25- Quận Bình Thạnh TPHCM.

- Từ năm 2008 đến năm 2009: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Vận Tải và Thương Mại Quốc Tế ITC.

- Từ năm 2009 đến năm 2010: Chuyên viên phòng đại lý tàu biển Công ty Cổ phần Gemadept.

- Từ năm 2010 đến năm 2011: Phó phòng khai thác tàu biển Vinalines HCM.

- Từ năm 2011 đến năm 2012: Giám đốc vận tải bộ Công ty Cổ phần Vận Tải và Thương Mại Quốc Tế ITC.

- Từ 20/04/2012–31/01/2013: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Logistics Vicem.

- Từ 01/02-21/03/2013: Thành viên Hội đồng Quản trị giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Logistics Vicem.

- Từ ngày 22/ 03/2013 đến 03/2016: Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty, giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty CP Logistics Vicem.

- Từ 03/2016 đến 23/04/2018: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Logistics Vicem.

- Từ 23/04/2018 -30/09/2018: Thành viên Hội đồng Quản trị, giữ chức Phó TGD Công ty CP Logistics Vicem.

- Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018: Thành viên Hội đồng Quản trị, giữ chức vụ Quyền TGD Công ty CP Logistics Vicem.

- Từ 04/01/2019 đến nay: Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty.

Chức vụ công tác hiện nay tại TCNY: Thành viên HĐQT giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty CP Logistics Vicem.

Chức vụ hiện nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phiếu nắm giữ tại thời điểm: 28/02/2023

- Cá nhân sở hữu: 2.600 cp chiếm tỷ lệ 0,0198% /VĐL

- Đại diện vốn của VICEM: 1.640.600 cp chiếm tỷ lệ 12,52%/VĐL

2. Thù lao của HĐQT, BKS Công ty trong năm 2022 được tổng hợp như sau:

Tên	Chức vụ	Thù lao
- Ông Hà Quang Hiện	Chủ tịch HĐQT	48.000.000 đồng
- Ông Bùi Nguyên Quỳnh	Ủy viên HĐQT	48.000.000 đồng
- Ông Đỗ Văn Huân	Ủy viên HĐQT	56.000.000 đồng
- Ông Hồ Sĩ An	Ủy viên HĐQT	48.000.000 đồng
- Ông Nguyễn Văn Hưng	Ủy viên HĐQT	48.000.000 đồng
- Ông Hà Minh Ngọc	Trưởng BKS	48.000.000 đồng

Tên	Chức vụ	Thù lao
- Bà Nguyễn Thị Huệ	Ủy Viên BKS	36.000.000 đồng
- Bà Nguyễn Thị Thu	Ủy Viên BKS	15.000.000 đồng
- Bà Phạm Thị Thái Hà	Ủy Viên BKS	21.000.000 đồng
TỔNG CỘNG		368.000.000 đồng

3. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: không có

4. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: không có

5. Cơ cấu vốn cổ đông

- Cơ cấu cổ đông của Công Ty được tổng hợp tại thời điểm ngày 31/12/2022 như sau:

TT	NHÓM CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG SỞ HỮU (CP)	TỶ LỆ (%)
1	Cổ đông nhà nước (Tổng Công ty Xi măng Việt nam đại diện)	6.562.361	50,08
2	Vốn góp của cá nhân khác	6.541.639	49,92
3	Cổ phiếu quỹ	0	0
TỔNG CỘNG		13.104.000	100,00

- Về giao dịch cổ phiếu quỹ: trong năm Công ty không thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ.

Trên đây là một số nét chính về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty Cổ phần Logistics Vicem.

Kính báo cáo.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**
Đỗ Văn Huân

B. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		378.149.141.612	350.948.115.802
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		10.478.983.064	13.435.789.209
1. Tiền	111	4.1	10.478.983.064	13.435.789.209
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		198.985.364.795	193.889.831.485
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	20.990.879.270
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	198.985.364.795	172.898.952.215
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		167.087.340.861	140.357.100.706
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	159.557.697.400	134.608.449.795
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	2.571.582.629	2.609.022.929
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	7.018.813.139	5.957.274.048
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(2.060.752.307)	(2.817.646.066)
IV. Hàng tồn kho	140		1.524.749.583	2.547.160.210
1. Hàng tồn kho	141	4.7	1.524.749.583	2.547.160.210
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		72.703.309	718.234.192
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.10	72.703.309	718.234.192
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		55.528.902.964	71.726.668.747
I. Tài sản cố định	220		55.528.902.964	71.726.668.747
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	55.528.902.964	71.726.668.747
Nguyên giá	222		256.956.649.977	263.421.077.382
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(201.427.747.013)	(191.694.408.635)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		433.678.044.576	422.674.784.549

(Xem trang tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		99.544.878.480	89.301.131.037
I. Nợ ngắn hạn	310		99.544.878.480	89.301.131.037
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	66.125.797.098	57.718.705.409
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		385.249.624	230.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.10	1.185.493.957	1.893.039.691
4. Phải trả người lao động	314	4.11	21.205.686.558	17.953.522.748
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.12	4.887.028.814	947.266.897
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.13	3.124.236.373	3.682.172.286
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.14	2.631.386.056	6.876.424.006
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		334.133.166.096	333.373.653.512
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.15	334.133.166.096	333.373.653.512
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		131.040.000.000	131.040.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411 a		131.040.000.000	131.040.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		53.070.783.332	53.070.783.332
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		127.245.045.585	127.245.045.585
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		21.306.890.769	20.862.926.115
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421 a		3.764.972.321	3.470.473.444
LNST chưa phân phối kỳ này	421 b		17.541.918.448	17.392.452.671
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.470.446.410	1.154.898.480
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		433.678.044.576	422.674.784.549

75289
GTY
HVN
S VICE
PHỔ C

C. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính:
VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	5.1	351.319.434.784	297.847.175.380
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		351.319.434.784	297.847.175.380
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	323.697.950.672	267.416.704.864
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		27.621.484.112	30.430.470.516
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	15.346.460.418	9.626.631.370
6. Chi phí tài chính	22		53.220.585	(2.069.493.083)
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.4	26.263.195.130	21.798.023.647
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.651.528.815	20.328.571.322
9. Thu nhập khác	31	5.5	6.355.659.428	1.410.980.352
10. Chi phí khác	32		766.259.329	19.581.020
11. Lợi nhuận khác	40		5.589.400.099	1.391.399.332
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		22.240.928.914	21.719.970.654
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	4.533.462.536	4.168.941.664
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		17.707.466.378	17.551.028.990
15. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		17.541.918.448	17.392.452.671
16. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		165.547.930	158.576.319
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.15.3	1.339	822
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.15.3	1.339	822

D. BẢNG LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2022	Năm 2021
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01	-	22.240.928.914	21.719.970.654
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ	02	5.7	16.197.765.783	20.739.818.768
Các khoản dự phòng	03		(756.893.759)	(888.995.068)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(15.105.817.598)	(9.626.631.268)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		22.575.983.340	31.944.163.086
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(25.475.828.940)	21.935.668.778
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.022.410.627	(1.125.203.756)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		14.828.461.793	5.071.591.676
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		20.990.879.270	-
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.10	(4.873.141.216)	(4.149.593.679)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(10.859.791.744)	(5.447.069.720)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		18.208.973.130	48.229.556.385
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		5.374.090.910	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(386.546.062.523)	(229.002.089.297)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		360.459.649.943	177.291.518.884
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.879.740.115	9.513.268.121
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(10.832.581.555)	(42.197.302.292)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	150.000.000	100.000.000
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10.483.197.720)	(13.103.664.150)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(10.333.197.720)	(13.003.664.150)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM (50 = 20+30+40)	50		(2.956.806.145)	(6.971.410.057)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		13.435.789.209	20.407.199.266
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50+60+61)	70	4.1	10.478.983.064	13.435.789.209

E. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Logistics Vicem (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo:

▪ Quyết định số 24/2000/QĐ-TTg ngày 21 tháng 01 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc cổ phần hóa từ Xí nghiệp Vận tải của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên (tên cũ: Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1) thuộc Tổng Công ty Xi măng Việt Nam;

▪ Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301975289 ngày 24 tháng 04 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 06 tháng 12 năm 2021 để thay đổi địa chỉ đăng ký kinh doanh.

Ngày 07 tháng 12 năm 2005, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh theo Quyết định số 41/UBCK-GPNY của Ủy ban chứng khoán Nhà nước với mã chứng khoán HTV.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi gần đây nhất là 131.040.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	65.623.610.000	50,08	65.623.610.000	50,08
Các cổ đông khác	65.416.390.000	49,92	65.416.390.000	49,92
Cộng	131.040.000.000	100,00	131.040.000.000	100,00

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 405 Song Hành Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty có đầu tư vào 01 công ty con như được trình bày tại Mục 1.6 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là “Nhóm Công ty”).

Tổng số nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 268 (31/12/2021: 235).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Nhóm Công ty là:

- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (từ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác và không hoạt động tại trụ sở);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển);
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và không hoạt động tại trụ sở);
- Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và không hoạt động tại trụ sở);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển, kinh doanh vận chuyển hàng không và không hoạt động tại trụ sở);
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước, trừ cho thuê lại lao động);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi);
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Thu gom rác thải độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc Nhóm Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Nhóm Công ty được cấu trúc theo hình thức sở hữu trực tiếp gồm công ty mẹ và 01 công ty con trực tiếp.

1.6. Công ty con được hợp nhất

Công ty con trực tiếp:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất động sản Trường Thọ Thủ Đức	Lầu 05, Tòa nhà The Landmark, 5B Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	65,00%	65,00%	65,00%

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Nhóm Công ty áp dụng hình thức Kế toán trên máy vi tính.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

2.5. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Nhóm Công ty mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con, trừ trường hợp quyền kiểm soát của Nhóm Công ty chỉ là tạm thời khi công ty con chỉ được mua và nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian không quá 12 tháng.

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần và tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”.

3.3. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

3.4. Nợ phải thu

31978
CÔNG
CỔ PHẦN
LOGISTICS
VICEM - T.Đ

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- | | |
|----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 10 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 10 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 08 năm |

3.7. Thuê tài sản

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh



toán tiền thuê.

3.8. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.9. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh hợp nhất của kỳ báo cáo

3.10. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.11. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư

Thu nhập từ bán các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc khi hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định và chi phí thanh lý.

3.12. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ bán ra và cung cấp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.13. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu quản lý; chi phí đồ dùng văn phòng; chi phí khấu hao TSCĐ; thuế, phí, lệ phí; chi phí dự phòng phải thu khó đòi; chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

3.14. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp được tính theo mức thuế suất 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm Công ty.

3.15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Nhóm

Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Nhóm Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.17. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.18. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Nhóm Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Nhóm Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Nhóm Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ điều hành của Nhóm Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

4.1. Tiền

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Tiền mặt	528.204.678	29.180.304
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.950.778.386	13.406.608.905
Cộng	10.478.983.064	13.435.789.209

4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

Là khoản tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn gốc từ 06 - 12 tháng tại ngày 31/12/2022.

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm Mục 7	110.416.690.225	78.898.103.529
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Long Phước	16.265.928.147	22.309.472.628
Các khách hàng khác (*)	32.875.079.028	33.400.873.638
Cộng	159.557.697.400	134.608.449.795

(*) Tại ngày 31/12/2022, phải thu các khách hàng khác có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan - Xem thêm Mục 7	1.262.815.629	1.262.815.629
Trả trước cho người bán:		
Công ty TNHH Vận tải Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Trường Nguyên	500.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	808.767.000	1.346.207.300
Cộng	2.571.582.629	2.609.022.929

4.5. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2022 VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu khác từ các bên liên quan - Xem thêm Mục 7	450.000.000	-	450.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác:				
Lãi dự thu	2.742.918.273	-	2.890.931.700	-
Ký cược, ký quỹ	1.851.360.000	-	-	-
Phải thu từ bồi thường	1.818.535.617	-	2.544.408.654	-
Phải thu khác	155.999.249	-	71.933.694	-
Cộng	7.018.813.139	-	5.957.274.048	-

4.6. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2022 VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	2.944.033.051	883.280.744	5.495.711.396	2.678.065.330

(Xem trang tiếp theo)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

Tại ngày 31/12/2022
VND

Tại ngày 01/01/2022
VND

	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH MTV Cát Vạn Hưng	979.302.000	-	Trên 03 năm	979.302.000	-	Trên 03 năm
Công ty TNHH Cát Trường Hậu Giang	459.522.890	-	Trên 03 năm	459.522.890	-	Trên 03 năm
Công ty Cổ phần Dầu tư & Thương mại DIC	190.452.185	-	Trên 03 năm	190.452.185	-	Trên 03 năm
Công ty Cổ phần Bảo Việt Phát	1.314.755.976	883.280.744	Từ 01 đến dưới 02 năm	2.770.124.610	1.939.087.227	Từ 06 tháng đến dưới 01 năm
Các khách hàng khác	-	-		1.096.309.711	738.978.103	Từ 06 tháng đến trên 03 năm
Cộng	2.944.033.051	883.280.744		5.495.711.396	2.678.065.330	

4.7. Hàng tồn kho

Tại ngày 31/12/2022
VND

Tại ngày 01/01/2022
VND

	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.351.050.612	-	1.609.313.912	-
Công cụ, dụng cụ	173.698.971	-	210.013.636	-
Hàng gửi đi bán	-	-	727.832.662	-
Cộng	1.524.749.583	-	2.547.160.210	-



4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2022	2.203.932.585	255.660.226.380	5.556.918.417	263.421.077.382
Thanh lý, nhượng bán	-	(6.464.427.405)	-	(6.464.427.405)
Tại ngày 31/12/2022	2.203.932.585	249.195.798.975	5.556.918.417	256.956.649.977
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2022	2.173.487.376	186.641.147.323	2.879.773.936	191.694.408.635
Khấu hao trong năm	30.445.209	15.512.728.603	654.591.971	16.197.765.783
Thanh lý, nhượng bán	-	(6.464.427.405)	-	(6.464.427.405)
Tại ngày 31/12/2022	2.203.932.585	195.689.448.521	3.534.365.907	201.427.747.013
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2022	30.445.209	69.019.079.057	2.677.144.481	71.726.668.747
Tại ngày 31/12/2022	-	53.506.350.454	2.022.552.510	55.528.902.964

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 128.126.397.699 VND.

4.9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan	-	-	792.000.033	792.000.033
Phải trả cho người bán:				
Doanh nghiệp tư nhân Trung Tài	26.804.479.855	26.804.479.855	21.320.589.116	21.320.589.116
Công ty TNHH MTV Vận tải Chế biến gỗ Phong Phú	6.222.733.035	6.222.733.035	482.619.593	482.619.593
Phải trả cho các đối tượng khác	33.098.584.208	33.098.584.208	35.123.496.667	35.123.496.667
Cộng	66.125.797.098	66.125.797.098	57.718.705.409	57.718.705.409

4.10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2022		Số phát sinh		Số đã khấu trừ		Tại ngày 01/01/2022	
	Giá trị	Số phát sinh	Số phát sinh	Số phát sinh	Số đã khấu trừ	Số đã khấu trừ	Số phát sinh	Số phát sinh
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	72.703.309	22.210.102.123			(22.855.633.006)		718.234.192	

(Xem trang tiếp theo)



	Tại ngày 31/12/2022 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2022 VND
	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Đã khấu trừ	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	29.734.216.577	(6.878.583.571)	(22.855.633.006)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	893.383.092	4.533.462.536	(4.873.141.216)	-	1.233.061.772
Thuế thu nhập cá nhân	292.110.865	1.304.169.876	(1.672.036.930)	-	659.977.919
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	1.026.117.190	(1.026.117.190)	-	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Cộng	1.185.493.957	36.600.966.179	(14.452.878.907)	(22.855.633.006)	1.893.039.691

4.11. Phải trả người lao động

Là khoản tiền lương còn phải trả cho cán bộ, công nhân viên tại ngày 31/12/2022.

4.12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Chi phí thuê ngoài vận chuyển	4.730.143.814	865.266.897
Các khoản chi phí phải trả khác	156.885.000	82.000.000
Cộng	4.887.028.814	947.266.897

(Xem trang tiếp theo)

4.13. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Cổ tức phải trả	4.027.835	4.025.555
Nhận ký quỹ, ký cược	546.000.000	546.000.000
Các khoản phải trả khác	2.574.208.538	3.132.146.731
Cộng	<u>3.124.236.373</u>	<u>3.682.172.286</u>

4.14. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Số dư đầu năm	6.876.424.006	2.901.993.726
Trích lập trong năm	6.614.753.794	9.421.500.000
Sử dụng trong năm	(10.859.791.744)	(5.447.069.720)
Số dư cuối năm	<u>2.631.386.056</u>	<u>6.876.424.006</u>

(Xem trang tiếp theo)

175289
G TY
PHÂN
S VICEM
PHỐ CH

4.15. Vốn chủ sở hữu

4.15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu						Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích có đồng không kiểm soát VND		
Tại ngày 01/01/2021	131.040.000.000	53.070.783.332	124.017.503.555	29.223.515.474	896.322.161	338.248.124.522	
Lãi trong năm trước	-	-	-	17.392.452.671	158.576.319	17.551.028.990	
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	3.227.542.030	(3.227.542.030)	-	-	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(9.421.500.000)	-	(9.421.500.000)	
Chia cổ tức	-	-	-	(13.104.000.000)	-	(13.104.000.000)	
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	100.000.000	100.000.000	
Tại ngày 01/01/2022	131.040.000.000	53.070.783.332	127.245.045.585	20.862.926.115	1.154.898.480	333.373.653.512	
Lãi trong năm nay	-	-	-	17.541.918.448	165.547.930	17.707.466.378	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(6.614.753.794)	-	(6.614.753.794)	
Chia cổ tức	-	-	-	(10.483.200.000)	-	(10.483.200.000)	
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	150.000.000	150.000.000	
Tại ngày 31/12/2022	131.040.000.000	53.070.783.332	127.245.045.585	21.306.890.769	1.470.446.410	334.133.166.096	

(Xem trang tiếp theo)



4.15.2. Cổ phiếu

	<u>Tại ngày 31/12/2022</u>	<u>Tại ngày 01/01/2022</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	13.104.000	13.104.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	13.104.000	13.104.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	13.104.000	13.104.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

4.15.3. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm 2022 VND</u>	<u>Năm 2021 VND</u>
Lãi sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	17.541.918.448	17.392.452.671
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(6.614.753.794)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản/lãi suy giảm trên cổ phiếu	17.541.918.448	10.777.698.877
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	13.104.000	13.104.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>1.339</u>	<u>822</u>

(*) Đến ngày phát hành báo cáo này, Đại hội đồng cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2022.

4.16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	<u>Tại ngày 31/12/2022</u>	<u>Tại ngày 01/01/2022</u>
Ngoại tệ các loại:		
USD	98,47	111,67

(Xem trang tiếp theo)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu dịch vụ vận tải đường thủy	293.910.203.361	272.033.710.231
Doanh thu bán vật liệu xây dựng	28.648.876.110	9.251.672.074
Doanh thu dịch vụ vận tải đường bộ	17.469.049.553	9.945.636.333
Doanh thu bốc dỡ hàng hóa	10.869.241.920	4.416.156.742
Doanh thu cho thuê kho	422.063.840	2.200.000.000
Cộng	351.319.434.784	297.847.175.380
Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan - Xem thêm Mục 7	182.962.575.376	146.222.635.420

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	297.628.972.323	259.262.236.863
Giá vốn của hàng hóa đã bán	26.068.978.349	8.154.468.001
Cộng	323.697.950.672	267.416.704.864

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	9.731.726.688	8.325.447.268
Lãi bán các khoản đầu tư	5.614.733.730	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	1.301.184.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	102
Cộng	15.346.460.418	9.626.631.370

(Xem trang tiếp theo)

5.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nhân viên quản lý	14.595.486.292	13.294.159.823
Chi phí vật liệu quản lý	430.675.790	176.859.341
Chi phí đồ dùng văn phòng	889.175.302	364.988.065
Chi phí khấu hao tài sản cố định	685.037.180	737.839.539
Thuế phí, lệ phí	1.276.114.056	1.163.399.899
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(756.893.759)	1.180.500.202
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.064.918.046	1.810.576.565
Chi phí khác bằng tiền	6.078.682.223	3.069.700.213
Cộng	26.263.195.130	21.798.023.647

5.5. Thu nhập khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	5.374.090.910	-
Tiền thu từ bồi thường và thanh lý hợp đồng	406.510.142	1.289.352.335
Thu nhập khác	575.058.376	121.628.017
Cộng	6.355.659.428	1.410.980.352

5.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	40.561.309.501	22.608.785.671
Chi phí nhân công	73.655.525.385	63.177.231.693
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.197.765.783	20.739.818.768
Chi phí dịch vụ mua ngoài	209.830.738.933	175.673.093.315
Chi phí khác bằng tiền	9.715.806.200	7.015.799.064
Cộng	349.961.145.802	289.214.728.511

(Xem trang tiếp theo)

5.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong năm được xác định như sau:

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	22.240.928.914	21.719.970.654
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	426.383.767	425.921.664
Trừ: Thu nhập được miễn thuế	-	(1.301.184.000)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	22.667.312.681	20.844.708.318
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.533.462.536	4.168.941.664

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí khi tính thuế.

6. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động về những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty cung cấp, hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Cụ thể như sau:

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ vận tải nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực kinh doanh cần thiết phải thuyết minh;

- Bộ phận theo khu vực địa lý: Hoạt động của Nhóm Công ty hoàn toàn tại Việt Nam nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh. Do vậy, Nhóm Công ty không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ
2. Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất động sản Trường Thọ Thủ Đức	Công ty con
3. Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	Công ty có cùng công ty mẹ
4. Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	Công ty có cùng công ty mẹ
5. Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	Công ty có cùng công ty mẹ
6. Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	Công ty có cùng công ty mẹ
7. Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng	Công ty có cùng công ty mẹ
8. Công ty TNHH Siam City Cement Việt Nam	Công ty cùng Tổng Công ty
9. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

(Xem trang tiếp theo)

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Nhóm Công ty đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng:		
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	104.222.753.446	74.026.785.931
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	5.438.839.722	2.225.961.733
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	755.097.057	-
Công ty TNHH Siam City Cement Việt Nam	-	2.645.355.865
Cộng - Xem thêm Mục 4.3	<u>110.416.690.225</u>	<u>78.898.103.529</u>
Trả trước cho người bán ngắn hạn - Xem thêm Mục 4.4:		
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	1.262.815.629	1.262.815.629
Phải thu ngắn hạn khác - Xem thêm Mục 4.5:		
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem(*)	450.000.000	450.000.000
(*) Là khoản đặc cọc thuê 03 sà lan theo Hợp đồng thuê số 47/VTHT/DVTSL ngày 08 tháng 02 năm 2020.		
Trong năm, Nhóm Công ty đã có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:		
	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	155.731.913.982	131.998.582.072
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	19.286.302.025	-
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	6.245.647.122	7.590.485.671
Công ty TNHH Siam City Cement Việt Nam	1.396.625.210	6.295.918.152
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng	302.087.037	-
Công ty Cổ phần Vicem Thạch Cao Xi măng	-	337.649.525
Cộng - Xem thêm Mục 5.1	<u>182.962.575.376</u>	<u>146.222.635.420</u>
Chi phí thuê tài sản:		
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	4.288.086.021	5.040.000.030

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Cổ tức đã chia:		
Tổng công ty Xi măng Việt Nam	5.249.888.800	6.562.361.000
Ông Đỗ Văn Huân	2.080.000	2.600.000
Cộng	5.251.968.800	6.564.961.000

Thù lao và thu nhập của Hội đồng quản trị Công ty được hưởng trong năm như sau:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Ông Hà Quang Hiện	Chủ tịch Hội đồng quản trị (bổ nhiệm từ ngày 12/05/2022)	48.000.000	-
Ông Huỳnh Trung Hiếu	Chủ tịch Hội đồng quản trị (miễn nhiệm từ ngày 01/01/2022)	-	72.000.000
Ông Đỗ Văn Huân	Thành viên Hội đồng quản trị	56.000.000	48.000.000
Ông Bùi Nguyên Quỳnh	Thành viên Hội đồng quản trị	48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Văn Hưng	Thành viên Hội đồng quản trị	48.000.000	48.000.000
Ông Hồ Sĩ An	Thành viên Hội đồng quản trị	48.000.000	48.000.000
Cộng		248.000.000	264.000.000

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác của Công ty được hưởng trong năm như sau:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Ông Đỗ Văn Huân	Tổng Giám đốc	705.900.000	706.260.000
Ông Đàm Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 14/01/2022)	374.040.000	-
Ông Phạm Bá Trung	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 20/07/2022)	179.821.000	-
Ông Hoàng Việt	Phó Tổng Giám đốc (nghỉ hưu từ ngày 01/05/2021)	-	181.328.000
Cộng		1.259.761.000	887.588.000

8. THU NHẬP BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	120.000.000	198.000.000

9. SỐ LIỆU SO SÁNH

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Trích):

	Năm 2021 VND (Được báo cáo lại)	Năm 2021 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	822	1.327
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	822	1.327

Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2021 được báo cáo lại do Nhóm Công ty trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 64/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 05 năm 2022.

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2022 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Nhóm Công ty trong những năm tài chính sắp tới.